

Số: 1136/TMBG-BVBV

Ba Vì, ngày 04 tháng 10 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi : Các nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Đa khoa huyện Ba Vì có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu “ May đo trang phục y tế và đồ vải” với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa huyện Ba Vì.

2. Hồ sơ chào giá:

- 01 bản báo giá nội dung đầy đủ chữ ký, dấu đóng của đại diện hợp pháp và đóng dấu giáp lai trong trường hợp báo giá có nhiều trang, giá chào đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí theo quy định và các loại chi phí khác (ghi rõ mức thuế GTGT trong bản báo giá);

- Hàng hóa chào giá phải mô tả cụ thể màu sắc, chất liệu.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp/ chuyển phát nhanh theo địa chỉ: Phòng Tổ chức hành chính - Bệnh viện Đa khoa huyện Ba Vì (Địa chỉ: xã Đồng Thái - huyện Ba Vì - thành phố Hà Nội)

SĐT: 02433.863.139

Gmail: quynhanhbvbv@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày mời báo giá (*Gửi kèm theo Hồ sơ năng lực*)

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá (Có phụ lục chi tiết đính kèm)

Trân trọng kính mời!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCHC, KSNK.



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

Phạm Bá Hiền

PHỤ LỤC CHI TIẾT DANH MỤC HÀNG HÓA

(Đính kèm Thư mời báo giá ngày / /2024)

TT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Quy cách	Chất liệu
I. TRANG PHỤC NHÂN VIÊN Y TẾ VÀ CÁC CHỨC DANH KHÁC					
1	Trang phục của bác sĩ.	Bộ	196	1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. 2. Quần: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. 3. Mũ: Màu sắc: Theo màu sắc của áo.	Chất liệu: vải kaki chun Màu sắc: Màu trắng - Thành phần: Polyeste (80 ±3)% Rayon (15±3)% Spandex (5±3)% - Khối lượng: 260 (g/m²±5) - Mật độ: Dọc 480 ± 5; ngang 405±5 - Hàm lượng Formaldehyt(mg/kg):K.p.h - Kiểu dệt: Vân chéo 2/2
2	Trang phục của điều dưỡng viên,	Bộ	326	1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: - Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái; - Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm. 2. Quần: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. 3. Mũ: Màu sắc: Theo màu sắc của áo	Chất liệu: vải kaki chun Màu sắc: Màu trắng - Thành phần: Polyeste (80 ±3)% Rayon (15±3)% Spandex (5±3)% - Khối lượng: 260 (g/m²±5) - Mật độ: Dọc 480 ± 5; ngang 405±5 - Hàm lượng Formaldehyt(mg/kg):K.p.h - Kiểu dệt: Vân chéo 2/2
3	Trang phục của hộ sinh viên.	Bộ	36	1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: - Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái;	Chất liệu: vải kaki chun Màu sắc: Màu trắng - Thành phần: Polyeste (80 ±3)% Rayon (15±3)% Spandex (5±3)% - Khối lượng: 260 (g/m²±5)

				- Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm. 2. Quần: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. 3. Mũ: Màu sắc: Theo màu sắc của áo	- Mật độ: Dọc 480 ± 5; ngang 405 ± 5 - Hàm lượng Formaldehyt(mg/kg):K.p.h - Kiểu dệt: Vân chéo 2/2
4	Trang phục của kỹ thuật viên, cử nhân, kỹ sư và các chức danh khác làm việc chuyên môn tại các khoa, phòng lâm sàng và cận lâm sàng	Bộ	70	1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. 2. Quần: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. 3. Mũ: Màu sắc: Theo màu sắc của áo.	Chất liệu: vải kaki chun Màu sắc: Màu trắng - Thành phần: Polyeste (80 ± 3)% Rayon (15 ± 3)% Spandex (5 ± 3)% - Khối lượng: $260 (g/m^2 \pm 5)$ - Mật độ: Dọc 480 ± 5; ngang 405 ± 5 - Hàm lượng Formaldehyt(mg/kg):K.p.h - Kiểu dệt: Vân chéo 2/2
5	Trang phục của dược sĩ.	Bộ	58	1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. 2. Quần: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. 3. Mũ: Màu sắc: Theo màu sắc của áo	Chất liệu: vải kaki chun Màu sắc: Màu trắng - Thành phần: Polyeste (80 ± 3)% Rayon (15 ± 3)% Spandex (5 ± 3)% - Khối lượng: $260 (g/m^2 \pm 5)$ - Mật độ: Dọc 480 ± 5; ngang 405 ± 5 - Hàm lượng Formaldehyt(mg/kg):K.p.h - Kiểu dệt: Vân chéo 2/2
6	Trang phục nhân viên dinh dưỡng.	Bộ	8	1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Áo cổ chữ U, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. 2. Quần: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. 3. Mũ: Màu sắc: Theo màu sắc của áo.	Chất liệu: vải kaki chun Màu sắc: Màu trắng - Thành phần: Polyeste (80 ± 3)% Rayon (15 ± 3)% Spandex (5 ± 3)% - Khối lượng: $260 (g/m^2 \pm 5)$ - Mật độ: Dọc 480 ± 5; ngang 405 ± 5 - Hàm lượng Formaldehyt(mg/kg):K.p.h - Kiểu dệt: Vân chéo 2/2

				4. Đối với nhân viên chế biến thức ăn có thêm tạp dề không cổ, có hai dây đai, chiều dài ngang gối, phía sau buộc dây.	
7	Trang phục của hộ lý.	Bộ	24	1. Áo: a) Màu sắc: Màu xanh hòa bình; b) Kiểu dáng: Áo cổ trái tim, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông; phía trước có 2 túi, có khuy cài bên tên trên ngực trái. 2. Quần: a) Màu sắc: Màu xanh hòa bình; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. 3. Mũ: Màu sắc: Theo màu sắc của áo.	Chất liệu: vải kaki chun Màu sắc: Màu xanh hòa bình - Thành phần: Polyeste (80±3)% Rayon (15±3)% Spandex (5±3)% - Khối lượng: 260 (g/m²±5) - Mật độ: Dọc 480 ± 5; ngang 405±5 - Hàm lượng Formaldehyt(mg/kg):K.p.h - Kiểu dệt: Vân chéo 2/2
8	Trang phục của nhân viên tiếp đón, hành chính, thu ngân.	Bộ	86	1. Áo: a) Màu sắc: Màu sáng; b) Kiểu dáng: Áo sơ mi cổ đực, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay. Đối với nhân viên nữ, khuyến khích mặc trang phục áo dài truyền thống. 2. Quần đối với nam; quần hoặc chân váy đối với nữ: a) Màu sắc: Màu sẫm; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Chân váy kiểu jupe, tối thiểu dài ngang gối. a) Màu sắc: Màu sẫm; b) Kiểu dáng: Cổ 2 ve, phía trước có 2 túi, có thể thêm túi ngực, phía sau có xẻ, có khuy cài bên tên trên ngực trái. 4. Đối với nhân viên tiếp đón: Đeo dải băng màu xanh gắn trên cánh tay trái áo hoặc chéo qua người, chiều rộng 10 cm, trên dải băng in dòng chữ “NHÂN VIÊN TIẾP ĐÓN”.	1. Áo: - Chất liệu: vải lon kate - Thành phần: Polyestes (46±3)% Visco (51±3)% Spandex (3±3)% - Khối lượng: 150 (g/m²±5) - Mật độ: Dọc 700 ± 5, ngang 385 ± 5 2. Quần: - Chất liệu: vải tuynsi - Thành phần: Polyeste (82±3)% Visco (18±3)% - Khối lượng: 270(g/m²±5) - Mật độ: Dọc 760±5, ngang 350±5
9	Trang phục của nhân viên bảo vệ.	Bộ	22	1. Áo:	- Chất liệu: vải kaki - Màu sắc: Áo màu xanh cô ban sẫm, quần màu xanh đen

				a) Màu sắc: Màu ghi hoặc màu xanh cô ban sẫm hoặc màu xanh đen; b) Kiểu dáng: Áo cổ đực, cài cúc giữa, có nẹp cầu vai, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay có măng xéc hoặc lơ vê, 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái. 2. Quần: a) Màu sắc: Cùng màu với màu áo; b) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau. 3. Mũ kiểu kê pi cùng màu với áo	- Thành phần: Polyeste (90±3)% Bông (10±3)% - Khối lượng: 200 g/m²±5) - Mật độ: Dọc 400±5, ngang 210±5
	Trang phục của nhân viên bảo vệ.	Cái	11	Áo khoác: a) Màu sắc: Màu ghi hoặc màu sẫm; b) Kiểu dáng: Áo khoác cổ chữ K, cài cúc giữa, phía trước có 2 túi cơi chéo có nắp túi, 4 cúc, có nẹp cầu vai, có khuy cài biển tên trên ngực trái.	- Chất liệu: vải kaki - Màu sắc: Áo màu xanh đen - Thành phần: Polyeste (90±3)% Bông (10±3)% - Khối lượng: 200 g/m²±5) - Mật độ: Dọc 400±5, ngang 210±5
10	Trang phục của kỹ thuật viên thiết bị y tế, kỹ sư thiết bị, nhân viên bảo trì, lái xe cấp cứu.	Bộ	12	1. Áo: a) Màu sắc: Màu xanh đen; b) Kiểu dáng: Áo kiểu bu đông, cổ đực, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay măng xéc hoặc lơ vê, có nẹp cầu vai, phía trước có 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái. 2. Quần: a) Màu sắc: Màu xanh đen; b) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau. 3. Áo khoác: a) Màu sắc: Màu xanh đen; b) Kiểu dáng: Áo khoác cổ chữ K, cài cúc giữa, phía trước có 2 túi cơi chéo có nắp túi, 4 cúc, có nẹp cầu vai, có khuy cài biển tên trên ngực trái.	- Chất liệu: vải kaki - Màu sắc: Áo màu xanh đen - Thành phần: Polyeste (90±3)% Bông (10±3)% - Khối lượng: 200 g/m²±5) - Mật độ: Dọc 400±5, ngang 210±5

II. TRANG PHỤC KHU VỰC PHẪU THUẬT

11	Trang phục khu vực phẫu thuật	Bộ	100	a) Áo: - Kiểu dáng: Áo cổ trái tim, chui đầu, ngắn tay, chiều dài áo	Chất liệu: vải kaki chun Màu sắc: xanh lá - Thành phần:
----	-------------------------------	----	-----	--	--

				ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên trên trên ngực trái. b) Quần: - Màu sắc: Màu xanh cổ vịt; - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. c) Mũ: Màu sắc: Theo màu sắc của áo.	Polyeste (80 ±3)% Rayon (15±3)% Spandex (5±3)% - Khối lượng: 260 (g/m ² ±5) - Mật độ: Dọc 480 ± 5; ngang 405±5 - Hàm lượng Formaldehyt(mg/kg):K.p.h - Kiểu dệt: Vân chéo 2/2
--	--	--	--	--	---

III. TRANG PHỤC BỆNH NHÂN VÀ ĐỒ VẢI

12	Trang phục bệnh nhân	Bộ	900	Quy cách: Kiểu dáng theo quy định tại Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế Thông số size như sau: Sz M từ 45-55kg; Sz L từ 56-65kg; Sz XL trên 65kg	- Chất liệu: Vải thô - Màu sắc: Kẽ xanh lam nhỏ - Thành phần: Polyeste(85±3)% Bông (15±3)% - Khối lượng: 115(g/m ² ±5) - Mật độ: Dọc 540 ± 5; ngang 300±5
13	Trang phục của sản phụ	Bộ	100	Thông số size như sau: Sz L từ 56-65kg; Sz XL trên 65kg Quy cách: Kiểu dáng theo quy định tại Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế	- Chất liệu: Vải thô - Màu sắc: Màu hồng - Thành phần: Polyeste (60±3)% Bông ((30±3)% - Khối lượng: 150(g/m ² ±5)
14	Trang phục của người nhà người bệnh	Bộ	150	Quy cách: Kiểu dáng theo quy định tại Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế	- Chất liệu: Vải thô - Màu sắc: Màu vàng nhạt - Thành phần: Polyeste (60±3)% Bông ((30±3)% - Khối lượng: 150(g/m ² ±5)
15	Ga trải giường bệnh	Cái	900	Kích thước 2.4*1.5m	- Chất liệu: vải kaki - Màu sắc: màu xanh hòa bình - Thành phần: Polyeste (65±3)% Bông ((35±3)% - Khối lượng: 230(g/m ² ±5) - Mật độ: Dọc 440± 5; ngang 230±5 - Hàm lượng Formaldehyt(mg/kg): K.p.h
16	Vỏ gối bệnh nhân	Cái	500	Kích thước 0.5*0.7m	- Chất liệu: vải kaki - Màu sắc: màu xanh hòa bình - Thành phần: Polyeste (65±3)% Bông ((35±3)% - Khối lượng: 230(g/m ² ±5)

					- Mật độ: Dọc 440 ± 5; ngang 230 ± 5 - Hàm lượng Formaldehyt(mg/kg): K.p.h
17	Vỏ chăn bệnh nhân	Cái	600	Kích thước 1.6*2.0m	- Chất liệu: vải kaki - Màu sắc: màu xanh hòa bình - Thành phần: Polyeste (65 ± 3)% Bông ($(35 \pm 3)\%$) - Khối lượng: $230(\text{g}/\text{m}^2 \pm 5)$ - Mật độ: Dọc 440 ± 5; ngang 230 ± 5 - Hàm lượng Formaldehyt(mg/kg): K.p.h
18	Lõi gối bọc da	Cái	300	Kích thước 0.3*0.4m	- Chất liệu: Lõi bằng mút, vỏ bọc da kéo khóa - Thành phần: 100% Polyeste - Lõi mút an toàn, không độc hại.
19	Săng phẩu thuật	Cái	300	Kích thước: 1.6*1.8m	- Chất liệu: vải kaki - Màu sắc: màu xanh lá - Thành phần: Polyeste (65 ± 3)% Bông ($(35 \pm 3)\%$) - Khối lượng: $230(\text{g}/\text{m}^2 \pm 5)$ - Mật độ: Dọc 440 ± 5; ngang 230 ± 5 - Hàm lượng Formaldehyt(mg/kg): K.p.h
20	Săng phẩu thuật	Cái	300	Kích thước: 1.6*1.2m	- Chất liệu: vải kaki - Màu sắc: màu xanh lá - Thành phần: Polyeste (65 ± 3)% Bông ($(35 \pm 3)\%$) - Khối lượng: $230(\text{g}/\text{m}^2 \pm 5)$ - Mật độ: Dọc 440 ± 5; ngang 230 ± 5 - Hàm lượng Formaldehyt(mg/kg): K.p.h
21	Săng phẩu thuật	Cái	300	Kích thước: 0,8*1.0m	- Chất liệu: vải kaki - Màu sắc: màu xanh lá - Thành phần: Polyeste (65 ± 3)% Bông ($(35 \pm 3)\%$) - Khối lượng: $230(\text{g}/\text{m}^2 \pm 5)$ - Mật độ: Dọc 440 ± 5; ngang 230 ± 5

					- Hàm lượng Formaldehyt(mg/kg): K.p.h
22	Săng gói 2 lớp	Cái	200	Kích thước: 0,8*1.0m	- Chất liệu: vải kaki - Màu sắc: màu nâu ghi - Thành phần: Polyeste (65±3)% Bông ((35±3)% - Khối lượng: 230(g/m ² ±5) - Mật độ: Dọc 440± 5; ngang 230±5 - Hàm lượng Formaldehyt(mg/kg): K.p.h
23	Săng gói 2 lớp	Cái	100	Kích thước: 1,5* 1,4m	- Chất liệu: vải kaki - Màu sắc: màu nâu ghi - Thành phần: Polyeste (65±3)% Bông ((35±3)% - Khối lượng: 230(g/m ² ±5) - Mật độ: Dọc 440± 5; ngang 230±5 - Hàm lượng Formaldehyt(mg/kg): K.p.h
24	Săng gói 2 lớp	Cái	150	Kích thước: 0,7*0,8m	- Chất liệu: vải kaki - Màu sắc: màu nâu ghi - Thành phần: Polyeste (65±3)% Bông ((35±3)% - Khối lượng: 230(g/m ² ±5) - Mật độ: Dọc 440± 5; ngang 230±5 - Hàm lượng Formaldehyt(mg/kg): K.p.h
25	Săng PT có lỗ	Cái	200	Kích thước: 0,8*1,0m	- Chất liệu: vải kaki - Màu sắc: màu xanh lá - Thành phần: Polyeste (65±3)% Bông ((35±3)% - Khối lượng: 230(g/m ² ±5) - Mật độ: Dọc 440± 5; ngang 230±5 - Hàm lượng Formaldehyt(mg/kg): K.p.h
26	Trang phục dành riêng khi làm việc trong phòng mổ (Áo	Cái	150	Thông số size như sau: Sz M từ 45-55kg; Sz L từ 56-65kg; Sz XL trên 65kg Quy cách: Kiểu dáng theo quy định tại Thông tư số 45/2015/TT-	Chất liệu: vải kaki chun Màu sắc: màu xanh cổ vịt - Thành phần: Polyeste (80 ±3)% Rayon (15±3)%

	choàng phẫu thuật)			BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế	Spandex (5±3)% - Khối lượng: 260 (g/m ² ±5) - Mật độ: Dọc 480 ± 5; ngang 405±5 - Hàm lượng Formaldehyt(mg/kg):K.p.h - Kiểu dệt: Vân chéo 2/2
27	Túi đựng đồ vải	Chiếc	10	Kích thước: 1.0*1.2m	- Chất liệu: vải kaki - Màu sắc: màu nâu ghi - Thành phần: Polyeste (65±3)% Bông ((35±3)% - Khối lượng: 230(g/m ² ±5) - Mật độ: Dọc 440± 5; ngang 230±5 - Hàm lượng Formaldehyt(mg/kg): K.p.h
28	Dải băng của nhân viên tiếp đón	Chiếc	5	Dải băng màu xanh chéo qua người, chiều rộng khoảng 10 cm, trên dải băng in dòng chữ “NHÂN VIÊN TIẾP ĐÓN”	Chất liệu: Vải lon - Thành phần: Polyeste (85±3)% Bông (15±3)%
29	Vải phủ giá đồ vải	Cái	20	Kích thước: Cao 2m*dài 2,5m*rộng 0,6m	- Chất liệu: vải kaki - Màu sắc: màu xanh hòa bình - Thành phần: Polyeste (65±3)% Bông ((35±3)% - Khối lượng: 230(g/m ² ±5) - Mật độ: Dọc 440± 5; ngang 230±5 - Hàm lượng Formaldehyt(mg/kg): K.p.h